

**KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG HÀN BẬC 4 (TƯƠNG ĐƯƠNG TOPIK 4)**

(Kỳ kiểm tra lần thứ 06, ngày 11/12/2022)

(Ban hành theo Quyết định số 386/MYH23/VHU/QĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023)

| Stt | Số báo danh     | MSSV       | Họ                | Tên   | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Điểm |          |      |      | Điểm TB | Kết quả | Ghi chú |
|-----|-----------------|------------|-------------------|-------|------------|-----------------|------|----------|------|------|---------|---------|---------|
|     |                 |            |                   |       |            |                 | Nghe | Đọc hiểu | Viết | Tổng |         |         |         |
| 1   | VHU.THB4.06.001 | 181A150099 | Nguyễn Hồng       | Ân    | 16/09/2000 | TP. Hồ Chí Minh |      |          |      | 0    | 0       | Rớt     | Vắng    |
| 2   | VHU.THB4.06.002 | 181A150106 | Phạm Mỹ Ngọc      | Anh   | 19/12/1999 | TP. Hồ Chí Minh | 100  | 92       | 80   | 272  | 91      | Đậu     |         |
| 3   | VHU.THB4.06.003 | 181A150324 | Nguyễn Thị Phương | Anh   | 08/03/2000 | Bắc Giang       | 76   | 60       | 65   | 201  | 67      | Đậu     |         |
| 4   | VHU.THB4.06.004 | 181A150085 | Nguyễn Thị Thanh  | Dân   | 07/09/2000 | Đồng Nai        |      |          |      | 0    | 0       | Rớt     | Vắng    |
| 5   | VHU.THB4.06.005 | 181A150071 | Phan Thị Thuý     | Dương | 09/08/2000 | Bình Phước      | 40   | 44       | 65   | 149  | 50      | Đậu     |         |
| 6   | VHU.THB4.06.006 | 171A150066 | Đinh Lê Hà        | Giang | 16/04/1999 | TP. Hồ Chí Minh | 44   | 34       | 45   | 123  | 41      | Rớt     |         |
| 7   | VHU.THB4.06.007 | 181A150104 | Nguyễn Thị Thu    | Hiển  | 08/07/2000 | Phú Yên         |      |          |      | 0    | 0       | Rớt     | Vắng    |
| 8   | VHU.THB4.06.008 | 181A150175 | Trần Nguyễn Tuyết | Hương | 06/01/2000 | Bình Thuận      | 88   | 70       | 80   | 238  | 79      | Đậu     |         |
| 9   | VHU.THB4.06.009 | 161A150194 | Hoàng Thị Mỹ      | Linh  | 20/09/1998 | Thừa Thiên Huế  | 64   | 75       | 68   | 207  | 69      | Đậu     |         |
| 10  | VHU.THB4.06.010 | 181A150098 | Trần Thị Mỹ       | Lợi   | 18/01/2000 | Phú Yên         | 96   | 82       | 75   | 253  | 84      | Đậu     |         |
| 11  | VHU.THB4.06.011 | 181A150054 | Nguyễn Thị Trà    | My    | 13/01/2000 | Đồng Nai        | 92   | 72       | 95   | 259  | 86      | Đậu     |         |
| 12  | VHU.THB4.06.012 | 181A150082 | Dương Thị Kim     | Ngân  | 07/02/2000 | Thái Nguyên     | 84   | 40       | 40   | 164  | 55      | Đậu     |         |
| 13  | VHU.THB4.06.013 | 181A150057 | Đỗ Thanh          | Ngọc  | 22/11/2000 | Tây Ninh        | 96   | 100      | 70   | 266  | 89      | Đậu     |         |
| 14  | VHU.THB4.06.014 | 181A150025 | Nguyễn Thị        | Ngọc  | 14/12/2000 | Bắc Ninh        | 92   | 86       | 43   | 221  | 74      | Đậu     |         |
| 15  | VHU.THB4.06.015 | 171A150137 | Nguyễn Lê Huỳnh   | Như   | 12/10/1999 | Tây Ninh        | 100  | 98       | 70   | 268  | 89      | Đậu     |         |
| 16  | VHU.THB4.06.016 | 161A150071 | Nguyễn Thị        | Sương | 27/03/1997 | Quảng Ngãi      | 44   | 26       | 20   | 90   | 30      | Rớt     |         |
| 17  | VHU.THB4.06.017 | 171A150096 | Lê Thị Thu        | Thảo  | 25/08/1999 | Bình Định       | 76   | 70       | 75   | 221  | 74      | Đậu     |         |
| 18  | VHU.THB4.06.018 | 181A150208 | Nguyễn Thị Kim    | Thi   | 31/10/2000 | Tây Ninh        | 100  | 98       | 97   | 295  | 98      | Đậu     |         |
| 19  | VHU.THB4.06.019 | 181A150081 | Lê Thị Minh       | Thư   | 19/08/2000 | Tây Ninh        | 80   | 74       | 25   | 179  | 60      | Đậu     |         |
| 20  | VHU.THB4.06.020 | 171A150163 | Phan Đình Diệu    | Thư   | 18/12/1999 | Lâm Đồng        | 56   | 38       | 70   | 164  | 55      | Đậu     |         |
| 21  | VHU.THB4.06.021 | 181A150103 | Đào Thị Hương     | Trà   | 06/03/2000 | Tây Ninh        | 84   | 66       | 45   | 195  | 65      | Đậu     |         |
| 22  | VHU.THB4.06.022 | 171A150147 | Lê Thị Thuý       | Trang | 11/12/1998 | Tây Ninh        | 88   | 86       | 52   | 226  | 75      | Đậu     |         |
| 23  | VHU.THB4.06.023 | 181A150066 | Trần Thị Yến      | Trang | 26/10/2000 | Đồng Nai        | 88   | 70       | 97   | 255  | 85      | Đậu     |         |
| 24  | VHU.THB4.06.024 | 171A150138 | Nguyễn Thanh      | Trúc  | 22/12/1999 | Tây Ninh        | 92   | 96       | 83   | 271  | 90      | Đậu     |         |
| 25  | VHU.THB4.06.025 | 181A150200 | Nguyễn Thị Thanh  | Tuyền | 24/02/2000 | Phú Yên         | 100  | 86       | 90   | 276  | 92      | Đậu     |         |
| 26  | VHU.THB4.06.026 | 171A150193 | Nguyễn Trần Thảo  | Uyên  | 10/10/1996 | Đồng Nai        | 92   | 76       | 60   | 228  | 76      | Đậu     |         |
| 27  | VHU.THB4.06.027 | 181A150231 | Nguyễn Khánh      | Vân   | 03/04/2000 | TP. Hồ Chí Minh |      |          |      | 0    | 0       | Rớt     | Vắng    |
| 28  | VHU.THB4.06.028 | 181A150203 | Nguyễn Thị Thuý   | Vân   | 20/03/1997 | Đồng Nai        | 52   | 76       | 53   | 181  | 60      | Đậu     |         |
| 29  | VHU.THB4.06.029 | 171A150004 | Huỳnh Thị Hoàng   | Yến   | 17/11/1997 | TP. Hồ Chí Minh | 80   | 98       | 85   | 263  | 88      | Đậu     |         |

Tổng số thí sinh theo danh sách: 29

Số thí sinh dự kiểm tra: 25

Số thí sinh vắng kiểm tra: 04

Số thí sinh rớt: 02

**Số thí sinh đậu: 23**

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**PGS.TS. NGUYỄN MINH ĐỨC**